

XU HƯỚNG DÂN GIAN HÓA CÁC YẾU TỐ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG TRONG LỄ HỘI DÂN GIAN CỦA NGƯỜI VIỆT Ở NAM BỘ

HUỲNH QUỐC THẮNG

Trong xã hội và trong văn hóa cổ truyền, cốt lõi tư tưởng là *tôn giáo, tín ngưỡng*. Tương tự như các yếu tố lịch sử, yếu tố tôn giáo, tín ngưỡng trong *lễ hội dân gian* (LHGD) và cả trong các *lễ hội tôn giáo*, của người Việt ở Nam Bộ cũng chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi *xu hướng dân gian hóa*, một đặc điểm quan trọng thuộc các quá trình *giao tiếp văn hóa dân tộc* trong *lễ hội dân gian người Việt*, nhân tố góp phần tích cực tạo nên màu sắc đặc trưng, đặc thù nhất định cho đời sống văn hóa tinh thần của Nam Bộ so với các vùng, miền khác.

Trước hết, khi người ta nhấn mạnh *xu hướng dân gian hoá* tức là trực tiếp đề cập đến vai trò quyết định của *tâm thức nhân dân* trong các sinh hoạt thuộc phạm vi văn hóa dân gian mà ở đây, tâm thức đó chính là đời sống *tâm linh*, cụ thể hơn đó là yếu tố *tín ngưỡng, tôn giáo* trong các sinh hoạt LHGD. Vì vậy, người ta cũng có thể nói “*con người nào, lễ hội ấy*”; ví dụ: *Tín ngưỡng - lễ hội có nguồn gốc từ miền Bắc (Tam phủ, Tứ phủ...)* ở Nam Bộ chủ yếu gắn với cộng đồng các lớp người Việt di cư vào Nam trước, sau năm 1954; hoặc *tín ngưỡng-lễ hội thờ cá voi ở Nam Bộ* chủ yếu gắn với các cộng đồng người Việt sống bằng nghề đánh cá ven biển v.v... Ngoài ra, dựa vào đó người ta có thể tìm thấy thêm một số cơ sở để góp phần phân loại các LHGD của người Việt ở Nam Bộ. Xét về mặt đồng đại, căn cứ vào nét đặc thù riêng của từng nhóm lễ hội (thông qua các *nghi thức, nghi vật, nghi trượng mang những nội dung tôn giáo, tín ngưỡng nhất định*) gắn với (*tâm thức*) các nhóm cộng đồng người khác nhau để xếp chúng theo từng loại hình, ví dụ các lễ hội nghề nghiệp bao gồm nghề nông của những người chuyên làm ruộng, vườn (*lễ hội nông nghiệp: cúng đình, cúng miếu v.v...*) hoặc, của “làng” nghề kim hoàn (*lễ hội giỗ tổ kim hoàn...*), của “làng” nghề thợ mộc, thợ nhuộm, thợ may... (*lễ hội thờ Bà Cửu Thiên Huyền Nữ...*), của “làng” chài đánh cá ven biển (*lễ hội thờ cúng cá voi...*), của “làng” nghề sãi, cải lương (*lễ hội giỗ tổ Sân khấu*) v.v . Xét từ góc độ *lịch đại*, căn cứ vào quá trình phát sinh, phát triển của các lễ hội (liên quan tín ngưỡng hướng về một *đối tượng cử lễ* nhất định) mà xếp loại chúng theo thời gian, ví dụ, dựa vào quá trình lịch sử khai phá “mở làng, dựng ấp” của người dân Việt ở vùng đất Nam Bộ, người ta có thể tổng kết công thức chung như sau để nói về tiến trình cơ bản của việc hình thành hệ thống tín ngưỡng và LHGD của họ nơi đây: “từ BIỂN vào SÔNG, RẠCH rồi lên

RUỘNG, VƯỜN sau đó mới mở NGHỀ lập CHỢ” (1. Các tín ngưỡng - lễ hội thờ cá voi và thờ thần đi biển; 2. Các tín ngưỡng - lễ hội thờ thần sông, nước và động vật sông, nước; 3. Các tín ngưỡng - lễ hội thờ thần đất, thờ trời; thờ thần Thành hoàng và anh hùng liệt sĩ; 4. Các tín ngưỡng - lễ hội thờ tổ nghề; 5. Các tín ngưỡng - lễ hội gắn với tập tục người mua bán...). Cùng với góc nhìn lịch đại như vậy, người ta có thể lý giải vì sao bà Thiên Hậu ban đầu là một “nữ thần đi biển” của người Hoa sau này trở thành như một “nữ thần buôn bán” của người Hoa lẫn của người Việt, đến nỗi bà “nhập” luôn vào Bà Chúa Xứ (Núi Sam - Châu đốc), Bà Ngũ Hành, thậm chí cả Bà Quan Thế Âm v.v. Để làm cho các bà này trở thành là những “nữ thần ban phát tài lộc” trong tâm thức của đông đảo người dân Nam Bộ như hiện nay!

Càng về sau này, trong đời sống văn hoá tinh thần của người Việt ở Nam Bộ, bên cạnh xu thế Không giáo có vẻ nhạt đi thì đạo Phật nói chung và yếu tố Phật giáo trong các sinh hoạt tín ngưỡng dân gian, gồm cả các LHGD của người Việt nói riêng hình như ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn (?). Phật giáo đối với người Việt ở Nam Bộ, nhất là tại các địa bàn nông thôn, đã được: “dân gian hóa” để dễ “phổ cập” bằng nhiều hình thức, như thờ Phật tại gia hoặc nghi thức Phật giáo phổ thông diễn ra trong hầu khắp mọi sinh hoạt cộng đồng từ tang, giỗ cho tới các sinh hoạt LHGD khác nhau... Điều đáng lưu ý là ngay trong sự phát triển đó, người ta thấy rằng “Tín ngưỡng dân gian cũng có mặt trong các ngôi chùa Nam Bộ. Không thể kể hết số miếu thờ năm bà Ngũ Hành và Thổ Địa đặt hai bên trong vườn chùa. Ngoài ra, chùa còn có trang thờ Linh Sơn Thánh Mẫu, Chúa Xứ, Cửu Thiên Huyền Nữ, Hai Bà Trưng, Năm Ông, Bảy Bà...”(1). Đặc biệt ở tại các LHGD, người ta có thể tìm thấy yếu tố Phật giáo được dân gian hoá một cách sinh động nhất! Chẳng hạn, trong lễ hội Dinh Cô (Long Hải, Bà Rịa - Vũng Tàu), từ Phật Bà Quan Thế Âm cho tới Phật Mẫu Man Nương (Tứ Pháp: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện)... không dừng lại chỉ là “sự biểu hiện mối quan hệ tương giao bền chặt của tín ngưỡng dân gian và Phật giáo dân gian”(2) mà đó còn là sự chuyển hóa và đồng hóa một biểu tượng Bà Mẹ Phật trong tâm thức dân gian với Bà Cô được thờ trong Dinh Cô và được ngư dân địa phương long trọng rước ra biển để “nghinh Ông (cá voi)” nhân mùa lễ hội hàng năm! Lễ hội Bà Đen - Linh Sơn Thánh Mẫu (Tây Ninh) với các nghi thức Phật giáo long trọng trước các tượng Phật, trong đó có cả chục tượng Phật, trong đó có chục tượng Bà Quan Thế Âm rải rác trong các ngôi chùa dày đặc quanh Điện Bà tuy hình thức có khác nhưng nội dung, bản chất phần lớn cũng mang ý nghĩa tương tự như vừa nêu.

Nhìn xa và rộng hơn, một sản phẩm đặc thù của Phật giáo (hỗn dung cùng nhiều tôn giáo, tín ngưỡng khác) trong quá trình dân gian hóa kết hợp với địa phương hóa (bản địa hóa) trên đất Nam Bộ: đạo Cao Đài, một trong những tôn giáo địa phương phát triển nhanh nhất nước, đặc biệt là ở buổi đầu, chính vì nó

đã biết dựa vào và khai thác tốt vốn VHĐG để làm điểm tựa cho các sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội tôn giáo, truyền bá giáo lý của mình. Xen xét các sinh hoạt lễ hội của đạo Cao Đài (như hội Yến Diêu Trì cúng vào dịp rằm tháng 8 âm lịch hàng năm tại Tòa thánh Tây Ninh chẳng hạn...), người ta thấy ở đây đậm đà những màu sắc LHDG (với nhiều nét VHĐG đặc thù địa phương) hơn là một lễ hội tôn giáo đơn thuần: Nhạc lễ Cao Đài làm nền cho mọi sinh hoạt lễ hội là các bài bản *nhạc tài tử Nam Bộ* đúng gốc; *Múa Tứ linh*, rông nhan, dâng cộ tiên theo phong cách Việt (Nam Bộ); *Chèo hầu*, một hình thức diễn xướng dân gian kết hợp hình thức Hát Bả Trạo (gốc miền Trung) với Hát Bội (theo phong cách miền Nam) *triển lãm nghệ thuật chưng chế cây trái* (Nam bộ) với các hình thức, nội dung sáng tạo hết sức phong phú và đặc sắc v.v.

Nhìn chung, các khảo sát thực tế đã cho thấy rằng vùng văn hóa cổ truyền Nam Bộ với thời gian hình thành, phát triển cũng ngắn ngủi, quá trình văn hóa các hoạt động xã hội chưa sâu, vốn VHĐG còn mỏng (đặc biệt là so sánh với vùng đồng bằng Bắc Bộ) cùng một số lý do khác về tâm lý xã hội địa phương, cho nên sinh hoạt đời sống văn hóa tinh thần của cư dân Việt tại đây dường như chủ yếu mang nặng màu sắc *tâm linh*. Rõ ràng các thiết chế tín ngưỡng, tôn giáo ở nơi đây sản sinh rất nhiều, rất nhanh (có nơi dày đặc trên một địa bàn nhất định), thậm chí số lượng người tham gia vào từng sinh hoạt ở các thiết chế như vậy đôi khi cũng bị phân hóa và phân tán...(Phải chăng đó cũng chính là một trong những lý do quan trọng làm cho LHDG của người Việt ở Nam Bộ nặng tính chất Lễ hơn Hội?). Mặt khác, quá trình giao lưu giữa các giá trị văn hóa trong các sinh hoạt LHDG nói riêng và VHĐG nói chung của người Việt với các tộc người khác ở Nam Bộ- trong đó - tín ngưỡng, tôn giáo với tư cách là nhân tố chi phối sâu sắc nhất đối với các LHDG người Việt vừa có mối quan hệ qua lại lẫn nhau vừa chịu ảnh hưởng sự tác động nhiều chiều của tôn giáo, tín ngưỡng của các dân tộc khác, kết hợp với các nguồn gốc kinh tế- xã hội, nguồn gốc nhận thức phức tạp... tất cả tạo ra "tính hỗn dung" rất đậm nét trong nội dung, hình thức lẫn phong cách hoạt động của các LHDG của người Việt ở nơi đây. Trên đại thể, người ta thấy rằng văn hoá tín ngưỡng, tôn giáo trong LHDG của người Việt ở Nam Bộ vừa có những nét đặc trưng văn hóa Đông Nam Á và Nam Á (qua giao tiếp văn hóa Việt - Chăm, Việt - Khmer...), đồng thời cũng có cả nét Đông Á (qua giao tiếp văn hóa Việt - Hoa)... Mặc dù nhìn sâu hơn, cái cốt lõi tôn giáo, tín ngưỡng ấy vẫn tam giáo Việt Nam: Phật, Khổng, Lão. Đó là những tôn giáo được truyền sang từ Trung Quốc nhưng đã được Việt hóa để phù hợp hơn với tâm thức dân tộc Việt Nam, một dân tộc từng có bề dày truyền thống của một văn hóa bản địa lâu đời và một vốn văn hiến riêng, trong đó độc lập tự do gần như là một tư tưởng chủ đạo. Tam giáo Việt Nam ấy với đạo Phật được coi như có lúc đã "quốc giáo" hơn bốn trăm năm (từ thế kỷ 11) về sau cũng vì độc lập tự do mà phải nhường ngôi cho Nho giáo ở vị thế "chính thống" (từ thế kỷ 15 đến thế kỷ

19). Rồi chính *Tam giáo* ấy lại theo chân các chúa Nguyễn và đám di dân Thanh Hóa - Ngũ Quảng vào phương Nam để hòa nhập với tín ngưỡng, tôn giáo Chăm Pa và Chân Lạp (sau này là của người Hoa hiện đại và cả của phương Tây)... từ đó tạo thành một thứ *tam giáo không còn nguyên gốc nữa, một hệ tư tưởng Nho, Phật, Lão trong thực tế văn hóa vùng Nam Bộ đậm chất Ấn Độ (Hindouisé)* hơn và nhạt chất Trung Hoa đi ít nhiều. Nói cách khác, cái cốt lõi tư tưởng trong LHDG của người Việt ở Nam Bộ vẫn có xuất xứ từ những *tín ngưỡng cổ đại của người Việt*, kể đó được nâng lên với hệ cảm thức *Tam giáo Việt Nam (Khổng, Phật, Lão)* “thấm chấy” suốt hơn mười thế kỷ (khoảng từ thời Lý - Vạn Xuân, 542-603, cho đến cuối thế kỷ 19). Rồi, trong trường kỳ lịch sử làm bệ đỡ tinh thần cho dân Giao, dân Việt, *Tam giáo* từ là một sản phẩm của Trung Quốc đã dần trở thành của dân tộc với nhiều chặng đường phát triển khác nhau và ở chặng cuối cùng của nó trên đất Nam Bộ, thông qua giao tiếp VHDT (mà *LHDG của người Việt là một trong những “kênh” giao tiếp điển hình*): *sự phát triển đó đã mang tính chất hoàn toàn mới mẻ bằng sự tích giữa Tam giáo với các yếu tố tôn giáo, tín ngưỡng của các dân tộc khác ở phương Nam về sau này có cả của phương Tây...*

Những điều nêu trên một lần nữa góp phần lý giải nguyên nhân của sự “hỗn dung”, một đặc điểm cơ bản trong *xu hướng dân gian hóa các yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo trong các sinh hoạt LHDG của người Việt ở Nam Bộ* nói riêng, các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng của họ nơi đây nói chung, đồng thời cũng từ đó mà người ta càng có thể nhận thức sâu sắc hơn nữa ý nghĩa vấn đề, trong LHDG của người Việt ở Nam Bộ, nổi bật chỗ này hay chỗ khác vẫn lấp lánh những ánh sáng của *tam giáo* với cái “*nhân bản gốc*” (humanisme radical) của Á Đông là luôn luôn vươn tới cái biết Trời, biết Đất, biết Người (Tam Tài) theo cái duy thức Khổng, Phật, Lão được hội nhập làm một để thành ra “*đạo làm Người*” của dân tộc, ở đây được hiểu là các quan điểm, thái độ, phong cách sống vừa mang tính truyền thống Việt Nam vừa có thể mang nét đặc thù địa phương của vùng văn hóa Nam Bộ, một “vùng có những sắc thái đặc thù khó lẫn, vừa rất riêng mà vẫn giữ được tính thống nhất của văn hóa Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- (1). Trần Hồng Liên: *Chùa Việt ở Nam Bộ, một nét văn hóa độc đáo của Phật giáo Việt Nam*. Tc Dân tộc học, số 2, 1995, tr. 11-12.
- (2). Nguyễn Quang Lê: *Tìm hiểu mối quan hệ lễ hội cổ truyền với Phật giáo qua tín ngưỡng dân gian*. Tc Văn hóa dân gian, số 4 (40), 1992, tr. 73.
- (3). Trần Quốc Vượng (chủ biên), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 1997, tr. 223.